TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/2023/QĐST-HNGĐ	*Hương Trà, ngày 26 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 56/2023/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Lê Văn P**, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị **Lê Ngọc A**, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn P và chị Lê Ngọc A đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 13/02/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh P, chị Anh trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận thuận tình ly hôn của anh P, chị Anh.

[2] Về con chung: Anh Lê Văn P và chị Lê Ngọc A có 02 người con chung tên là Lê Ngọc Như Q, sinh ngày 14/8/2009; Lê Văn Quốc V, sinh ngày 12/12/2012. Anh P, chị Anh thỏa thuận là giao 02 cháu Lê Ngọc Như Q và Lê Văn Quốc V cho anh Lê Văn P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; chị Lê Ngọc A cấp dưỡng cho cháu Lê Ngọc Như Q mỗi tháng 1.500.000

đồng, cấp dưỡng cho cháu Lê Văn Quốc V mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi lần lượt 02 cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Thời hạn nuôi con và cấp dưỡng cho con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi lần lượt 02 cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Xét việc thỏa thuận của anh P, chị Anh là tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Văn P và chị Lê Ngọc A không yêu cầu nên Toà án không phải giải quyết.

[4] Về lệ phí toà án: Anh Lê Văn P và chị Lê Ngọc A mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn P và chị Lê Ngọc A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 cháu Lê Ngọc Như Q, sinh ngày 14/8/2009 và Lê Văn Quốc V, sinh ngày 12/12/2012 cho anh Lê Văn P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; chị Lê Ngọc A cấp dưỡng cho cháu Lê Ngọc Như Q mỗi tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng cho cháu Lê Văn Quốc V mỗi tháng 1.500.000 đồng; thời điểm cấp dưỡng cho hai con kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi lần lượt 02 cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn P và chị Lê Ngọc A không yêu cầu nên Toà án không phải giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Lê Văn P và chị Lê Ngọc A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0001544 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, nên không phải nộp thêm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TT. Huế;*
- *VKSND TX. Hương Trà;*
- *Chi cục THADS TX. Hương Trà;*
- *UBND xã Hương Toàn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu dán;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh